TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **421**/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 13 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 376/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1971; Địa chỉ: Nhà số I Kiệt E N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Bà **Phạm Thị M**, sinh năm 1972; Địa chỉ: Nhà số I Kiệt E N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị M kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/12/1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Hiện nay, ông H, bà M đã sống ly thân và không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên ông H, bà M thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị M xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn H1, sinh ngày 26/02/1993 và Nguyễn Thị Thu H2, sinh ngày 25/10/1996. Hiện nay cả 02 con Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Thị Thu H2 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị M xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị M mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003964 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Ông H, bà M đã nộp đủ.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Phan Văn T và bà Phan Thị Hồng P có 02 con chung là Nguyễn Văn H1, sinh ngày 26/02/1993 và Nguyễn Thị Thu H2, sinh ngày 25/10/1996. Hiện nay cả 02 con Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Thị Thu H2 đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị M xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị M mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003964 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Ông H, bà M đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Huế;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường V, TP H
(ĐKKH số 56, quyển số 07 ngày 08/12/1997);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Phương Hồng